

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 19/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 19-9-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Xuân Tĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Xuân;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Lê Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Dương Hữu T, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Số 341, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Bị đơn:** Chị Lương Thị H, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01-6-2022, bản tự khai, lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn anh Dương Hữu T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh và chị Lương Thị H có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới hỏi theo phong tục và ngày 14-6-2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc và ở cùng bố mẹ chị Lương Thị H tại thôn P, xã M, thành phố L. Nhưng do trong cuộc sống sinh hoạt không hiểu nhau dẫn đến mâu thuẫn giữa anh với gia đình bên vợ, đến đầu năm 2020 vợ

chồng chuyển ra ở trọ một thời gian để giải tỏa tâm lý, nhưng mẹ đẻ chị Lương Thị H không vừa ý, gây khó khăn áp lực cho vợ chồng, nên đến tháng 9-2021 vợ chồng lại chuyển về ở với bố mẹ chị Lương Thị H. Tuy nhiên khi về lại gia đình vợ sinh sống, mẹ vợ anh vẫn không vừa ý, gây khó khăn, tinh thần của vợ chồng, từ đó vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, giữa anh với mẹ vợ có mối quan hệ không được tốt; đặc biệt là cách nuôi dạy con cái, trong đó việc mẹ đẻ chị Lương Thị H không cho các con của anh đi học, cứ đưa đi học thì bà ngoại lại đón về. Đầu năm học 2021-2022 khi con lớn là cháu Lương Hữu D đang đi học lớp 2 tại Trường tiểu học phường Đ, thành phố L, nhưng mẹ chị Lương Thị H cứ đón về không cho học, vì nghỉ học nhiều Trường tiểu học Đ không nhận cháu Lương Hữu D nữa, nên anh đã phải xin chuyển trường cho cháu về Trường tiểu học xã B, huyện B là quê của anh để đi học; tuy nhiên bà ngoại và chị Lương Thị H lại đến đón về thành phố L, nhưng vẫn không cho cháu đi học. Chính vì sự thiếu quan tâm của chị Lương Thị H và bên ngoại về việc không cho các con anh đi học, còn cấm đoán anh không được thăm gặp con dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Từ tháng 11-2021 đến nay anh đã sống ly thân với vợ, nay tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm đến ai nên anh làm đơn xin ly hôn với chị Lương Thị H để nhận nuôi các con sau đó đưa về quê tại xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho các con còn được đi học.

Về con chung, vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Lương Hữu D, sinh ngày 29-8-2014 và cháu Lương Thị Thúy N, sinh ngày 27-9-2017, hiện các con đang ở với mẹ và ông bà ngoại tại thôn P, xã M, thành phố L. Con lớn đang học lớp 2 năm nay lên lớp 3; còn con nhỏ đang học mầm non nhưng bà ngoại không cho các cháu đi học. Vì vậy khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung để chuyển các cháu về quê nội tại xã B, huyện B để được đi học; anh không yêu cầu chị Lương Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, anh cam kết không có khoản vay nợ chung với ai.

*Bị đơn chị Lương Thị H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai ngày 11-8-2022 và tại phiên hòa giải trình bày như sau:* Về quan hệ hôn nhân, việc tìm hiểu, tổ chức cưới, hỏi và đăng ký kết hôn như anh Dương Hữu T trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng ở bên ngoại, vì bố mẹ chị chỉ có một mình chị là con. Ban đầu sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung, nhưng do hoàn cảnh kinh tế vợ chồng không có công việc ổn định, thu nhập không đủ chi tiêu; hơn nữa thường bất đồng về quan điểm sống, về cách nuôi dạy con chung nên dẫn đến cãi nhau. Đỉnh điểm là từ tháng 7-2021 vợ chồng cãi nhau anh Dương Hữu T tự chuyển ra bên ngoài ở và sống ly thân đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh Dương Hữu T lại làm đơn xin ly hôn, chị cũng đồng ý vì có nín nhịn kéo cũng không hạnh phúc, chị Lương Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung, có 02 con chung như anh Dương Hữu T trình bày là đúng, các con đang sống cùng chị và ông bà ngoại. Nếu ly hôn chị cũng yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Dương Hữu T phải cấp dưỡng, và chị cam

kết sẽ cho các con đi học bình thường.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, cũng không có khoản vay nợ chung.

Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của con chung trên 7 tuổi là cháu Lương Hữu D, tuy nhiên gia đình nhà chị Lương Thị H không cho gặp, nên không có bản trình bày hay lấy được lời khai của cháu Lương Hữu D, sinh ngày 29-8-2014 theo quy định.

Tại phiên hòa giải ngày 11-8-2022, chị Lương Thị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Hữu T và yêu cầu được nuôi hai con chung. Tuy nhiên, sau khi hòa giải chị Lương Thị H không ký biên bản, bỏ về không nêu lý do.

Tại phiên tòa, anh Dương Hữu T giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn và được nuôi cả hai con chung; không yêu cầu chị Lương Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định; bị đơn chị Lương Thị H đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử, xử vắng mặt là có căn cứ; đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ kiện, tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, nên không thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân. Căn cứ các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ và yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Dương Hữu T được ly hôn với chị Lương Thị H; về con chung, giao con chung cháu Lương Hữu D cho anh Dương Hữu T chăm sóc nuôi dưỡng; chị Lương Thị H được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lương Thị Thúy N, không ai phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung theo quy định; về tài sản chung, nợ chung, không có nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn anh Dương Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Dương Hữu T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Lương Thị H, hiện bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã M, thành phố L. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lương Thị H vắng mặt. Tuy nhiên đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Hữu T và chị Lương Thị H tự nguyện kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, đăng ký kết hôn ngày 14-6-2013 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp. Sau khi kết hôn hai bên đương sự cùng về sinh sống bên nhà chị Lương Thị H, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sinh được 2 con chung như các bên đương sự đã thừa nhận. Về mâu thuẫn dẫn đến anh Dương Hữu T xin ly hôn, theo các bên trình bày thấy, nguyên nhân ban đầu xuất phát từ việc va chạm trong cuộc sống giữa vợ chồng với bên nhà ngoại, trong đó điều khiến anh Dương Hữu T muốn ly hôn là do chị Lương Thị H không quan tâm đến việc nuôi dạy, chăm sóc lo cho các con chung đi học, việc này lại có sự can thiệp không đúng của mẹ chị Lương Thị H, đã cấm không cho các con của anh chị đi học. Căn cứ Đơn xin chuyển trường do anh Dương Hữu T giao nộp thể hiện cháu Lương Hữu D đang học lớp 2 Trường Tiểu học Đ khóa học 2021-2022 khi đưa cháu đi học thì bà ngoại lại đón về, nên ngày 26-10-2021 anh đã phải làm đơn xin chuyển trường cho cháu về học tại Trường Tiểu học xã B, huyện B nơi anh Dương Hữu T đăng ký hộ khẩu. Tuy nhiên sau đó mẹ đẻ chị Lương Thị H và chị Lương Thị H lại đón về thành phố L và không cho đi học dẫn đến cháu Lương Hữu D phải bỏ học; đến thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn là đầu năm học 2022-2023 các con của anh Dương Hữu T vẫn không được đi học. Từ lý do trên vợ chồng mâu thuẫn, khi anh Dương Hữu T có đơn khởi kiện xin ly hôn, thì tại bản tự khai ngày 11-8-2022 chị Lương Thị H cũng đồng ý. Do vậy, có căn cứ cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa hai bên không còn, các bên không muốn đoàn tụ, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cho anh Dương Hữu T được ly hôn với chị Lương Thị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, khi ly hôn các bên đều mong muốn được nuôi dạy cả hai con chung. Tuy nhiên, hiện cháu Lương Hữu D, sinh ngày 29-8-2014 đang ở độ tuổi học tiểu học, còn cháu Lương Thị Thúy N, sinh ngày 27-9-2017 đang ở lứa tuổi mầm non. Do điều kiện của anh Dương Hữu T hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH T L (sản xuất bánh quy) tại thành phố L, mức lương trung bình 6.000.000đồng một tháng; còn chị Lương Thị H hiện ở cùng bố, mẹ đẻ và làm lao động tự do. Xét điều kiện các bên gần như nhau, để đảm bảo quyền được nuôi con khi ly hôn của cả bố và mẹ và nghĩa vụ của bố mẹ là phải chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh trở thành người con hiếu thảo, là công dân có ích cho gia đình và xã hội. Do vậy, trước tiên phải đảm bảo cho cháu Lương Hữu D được đi học, theo quyền trẻ em phải được đến trường học tập theo quy định của pháp luật. Nên căn cứ Điều 68, 69 và 70 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao mỗi bên được chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung, cụ thể: Giao cháu Lương Hữu D cho anh Dương Hữu T, còn giao cháu Lương Thị Thúy N cho chị Lương Thị H giáo dục,

chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, quá trình được giao nuôi dưỡng con chung các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con theo quy định. Do các bên đều được nuôi 01 con chung, nên không ai phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí, anh Dương Hữu T là nguyên đơn xin ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố là phù hợp, có căn cứ pháp luật, nên được Hội đồng xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các Điều 68, 69, 70, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Hữu T được ly hôn với chị Lương Thị H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 31, đăng ký kết hôn ngày 14-6-2013 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Xác định vợ chồng chỉ có 02 con chung.

Giao con chung là cháu Lương Hữu D, sinh ngày 29-8-2014 cho anh Dương Hữu T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Lương Thị Thúy N, sinh ngày 27-9-2017 cho chị Lương Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Dương Hữu T và chị Lương Thị H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; cùng có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con theo quy định và quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Dương Hữu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số AA/2021/0000916 ngày 09-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND thành phố Lạng Sơn;
- CC.THA DS thành phố Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Xuân Tĩnh**